

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 01 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Toàn.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 416/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thảo N, sinh năm 2000 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Nguyễn Nhựt H, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/9/2020, các văn bản kèm theo bà Nguyễn Thảo N trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2018, bà và ông Nguyễn Nhựt H chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì bà và ông H thường xuyên cãi vã, phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, xúc phạm lẫn nhau ngày càng trầm trọng, nhiều lần ông H còn hăm dọa đánh đập bà, hai bên có hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Bà xác định là bà không còn tình cảm dành cho ông H. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc

sống chung không còn hạnh phúc, nên bà không thể đoàn tụ gia đình với ông H, nay bà yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn ông Nguyễn Nhựt H.

Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Thảo U, sinh ngày 11/02/2018, hiện tại người con chung đang chung sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi người con chung, bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Nhựt H đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông H vẫn không tham gia tố tụng.

Do công việc làm ăn xa nên việc đi lại khó khăn, bà Nguyễn Thảo N xin vắng mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm và không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông H đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông H không cung cấp chứng cứ gì, ông H vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Bà N xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 2018, bà Nguyễn Thảo N và ông Nguyễn Nhựt H chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bà Nguyễn Thảo N xác định giữa bà và ông H thường xuyên cãi vã, phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, xúc phạm lẫn nhau, nhiều lần ông H còn hăm dọa đánh đập bà N và bà N không còn tình cảm dành cho ông Nguyễn Nhựt H. Nhận thấy, quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thảo N và ông Nguyễn Nhựt H đã trong tình trạng trầm trọng, đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng mà không thể hòa giải hàn gắn được. Ông H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, thể hiện ông H không mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình. Xét cho bà Nguyễn Thảo N ly hôn với ông Nguyễn Nhựt H là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Thảo U, sinh ngày 11/02/2018, hiện tại người con chung đang chung sống với bà Nguyễn Thảo N. Bà

Nguyễn Thảo N yêu cầu được nuôi người con chung. Bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, mặc khác cháu Nguyễn Thảo U chưa được 36 tháng tuổi nên chấp nhận yêu cầu của bà N là phù hợp.

Bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, do ông H không trực tiếp nuôi con nên buộc ông H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thảo N phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thảo N ly hôn với ông Nguyễn Nhựt H.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Thảo U, sinh ngày 11/02/2018 cho bà Nguyễn Thảo N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Nhựt H cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Thảo U là 745.000 đồng/tháng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), cấp hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/01/2021) cho đến khi Nguyễn Thảo U đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống.

Ông Nguyễn Nhựt H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thảo N phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thảo N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0012033 ngày 06/10/2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Nhựt H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND xã P,
- huyện P, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Ngọc Trọng